

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự án: “Kho tiền Trung ương và Trung tâm xử lý tiền khu vực phía Nam” tại Phường Đông Hưng Thuận, TP Hồ Chí Minh.
- Cơ quan quyết định đầu tư: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Cơ quan chủ quản đầu tư: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Chủ đầu tư: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Đại diện Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Ngân hàng Nhà nước.
- + Địa chỉ: số 64 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng, thành phố Hà Nội.
- + Điện thoại: 024.39351415; Fax: 024.39351447
- Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt xe nâng, thiết bị nâng, máy kiểm đếm tiền. .
- + Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, LCNT qua mạng
- + Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- + Thời gian thực hiện hợp đồng: Loại hợp đồng: Trọn gói.
- + Phạm vi công việc của gói thầu: Được nêu tại biểu Mẫu 01A (webform trên Hệ thống). Phạm vi cung cấp thuộc E-HSMT.
- + Địa điểm cung cấp, lắp đặt: “Kho tiền Trung ương và Trung tâm xử lý tiền khu vực phía Nam” tại Phường Đông Hưng Thuận, TP Hồ Chí Minh.

Ghi chú: Khi tham dự thầu nhà thầu chào giá các hạng mục tuân thủ theo khoản 2 điều 93 nghị định 214/2025/NĐ-CP. Đối với các hàng hóa thuộc danh mục do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức hoặc quyết định việc phân cấp quy định tiêu chuẩn, định mức thì điều kiện xét duyệt trúng thầu là giá đề nghị trúng thầu của từng hàng hóa đảm bảo không vượt mức giá của từng hàng hóa đó theo tiêu chuẩn, định mức do cấp có thẩm quyền ban hành.

2. Bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật

Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của thiết bị chào thầu theo mẫu sau (trường hợp nhà sản xuất không đặt tên model, ký mã hiệu/nhãn hiệu cho thiết bị thì nhà thầu phải ghi rõ “Model: không có”; “Ký mã hiệu: Không có”; “Nhãn hiệu: Không có”):

STT	Thiết bị <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Thông số kỹ thuật yêu cầu tại E-HSMT <i>[nhà thầu trích dẫn chính xác thông số kỹ thuật yêu]</i>	Thông số kỹ thuật nhà thầu đề xuất <i>[nhà thầu trích dẫn chính xác thông tin trong catalog/tài]</i>	Mức độ đáp ứng <i>[Nhà thầu tuyên bố một trong các mức độ: Đáp ứng/ Không đáp ứng/</i>	Tài liệu tham chiếu trong E-HSMT <i>[nhà thầu dẫn chiếu đến tên file, trang số, chương, mục... để chứng minh thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu]</i>

		<i>câu trong E-HSMT]</i>	<i>liệu kỹ thuật/tài liệu khác tương đương]</i>	<i>Tương đương/ Tốt hơn]</i>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Xe nâng hàng loại lớn (2 tấn) Nhà sản xuất: Mã hiệu: Nhãn hiệu: Xuất xứ: Năm sản xuất: Mới 100%				
	- Thông số kỹ thuật				
	- Thông số kỹ thuật				
2				
				
				

Lưu ý:

- Tất cả nội dung yêu cầu liên quan đến thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có) trong E-HSMT chỉ mang tính tham khảo, nhà thầu không bắt buộc phải chào theo yêu cầu về thương hiệu, mã hiệu, model, nguồn gốc (nếu có).

- Nhà thầu có thể đề xuất thông số kỹ thuật của hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn yêu cầu trong E-HSMT. Trường hợp, thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu đề xuất là tương đương hoặc tốt hơn, nhà thầu cần kèm theo ghi chú giải thích rõ lý do nhận xét tương đương hoặc tốt hơn.

3. Yêu cầu về kỹ thuật**3.1. Yêu cầu về kỹ thuật chung**

Toàn bộ hàng hóa mới 100%, sản xuất từ năm 2024 trở đi, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

3.2. Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của xe nâng:**3.2.1 Thông số chung của xe nâng hàng:**

TT	Nội dung		Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Tâm nâng		500 mm
2	Loại động cơ		Ắc Quy/Điện
3	Kiểu lái		Ngồi Lái
4	Khung nâng		Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất
5	Kích thước nĩa	(Dài x rộng x dày)	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất
6	Độ nghiêng khung	Trước/ Sau	
7	Tốc độ	Di chuyển	Có tải
			Theo tiêu chuẩn của Hãng sản

TT	Nội dung		Đặc tính, thông số kỹ thuật
		Tiến/ lùi	Không tải
		Nâng	Có tải
			Không tải
		Hạ	Có tải
			Không tải
8	Trọng lượng của xe	Không bao gồm ắc quy	
9	Khoảng cách 2 trục xe		Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất
10	Phanh	Dừng (Chân)	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất
		Đổ	
11	Ắc quy	Thời gian hoạt động	≥ 05 giờ liên tục
		Dung lượng	$\geq 48/415$ V/AH
		Trọng lượng	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất
12	Tính đồng bộ	Motor di chuyển, motor nâng hạ, hệ thống điều khiển đồng bộ duy nhất với nhãn hiệu, thương hiệu và nhà sản xuất xe nâng	
Các tính năng được trang bị			
1	Tự động giảm tốc độ khi xe đang di chuyển trên dốc mà mất phanh		Có trang bị
2	Khả năng chống nước (IPX4)		Có trang bị
3	Màn hình hiển thị/Bộ điều khiển đa chức năng		Có trang bị
4	Hệ thống an toàn để kiểm soát thiết bị khi không có người điều khiển		Có trang bị

3.2.2 Thông số chi tiết của từng loại xe nâng:

- Xe nâng loại nhỏ

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Sức nâng	≥ 1500 Kg
2	Độ nâng tự do	≥ 115 mm
3	Chiều dài đến mặt trước nĩa	≤ 2164 mm
4	Bề rộng phủ bì	≤ 1120 mm
5	Chiều cao tối đa của khung khi xếp lại	≤ 2062 mm
6	Chiều cao tối đa của khung khi nâng lên	≤ 4055 mm
7	Chiều cao bảo vệ cabin	≤ 2150 mm
8	Bán kính quay (ở ngoài)	≤ 1870 mm

- Xe nâng hàng loại lớn:

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
----	----------	-----------------------------

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Sức nâng	≥ 2000 Kg
2	Độ nâng tự do	≥ 125 mm
3	Chiều dài đến mặt trước nĩa	≤ 2305 mm
4	Bề rộng phủ bì	≤ 1220 mm
5	Chiều cao tối đa của khung khi xếp lại	≤ 2066 mm
6	Chiều cao tối đa của khung khi nâng lên	≤ 4055 mm
7	Chiều cao bảo vệ cabin	≤ 2150 mm
8	Bán kính quay (ở ngoài)	≤ 2030 mm

3.2. Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật của máy đếm tiền:

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
1	Tự động khởi động đếm	Có
2	Đếm các loại tiền	Cotton, polyme
3	Kiểm tra tiền giả	Cotton
4	Chức năng đếm được các ngoại tệ	Có
5	Tự động xoá số hoặc đếm cộng dồn	Có
6	Hai mặt số, hệ thống lọc bụi	Có
7	Tự động kiểm tra hoạt động của máy báo sự cố như mất thân, mô tơ...	Hiển thị trên màn hình.
8	chức năng tạm dừng và đếm tiếp khi máy đang hoạt động	Có
9	Tốc độ đếm	≥ 1000 tờ/phút
10	Nguồn điện	220V/50Hz
11	Công suất toàn máy	≤ 65 W
12	Kích thước thùng, kích thước máy, trọng lượng	Theo tiêu chuẩn của Hãng sản xuất

3.3 Thiết bị nâng sàn:

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
I	Hệ thống thủy lực	
1	Xuất xứ	Gia công chế tạo trong nước
2	Loại bàn nâng	Bàn nâng thủy lực
3	Tải trọng nâng	≥ 3500 kg
4	Kích thước sàn	2500x1700x450mm
5	Khả năng điều chỉnh độ cao	Từ 450mm-1200mm
6	Tốc độ	5m/phút
7	Nguồn điện	3 pha 380V
8	Công suất motor điện	7,5Hp
9	Bơm thủy lực	23cc
10	Phụ kiện	Van phân phối, van xả tay, hệ thống chống bể ống dầu
11	Hệ thống điều khiển	Cầm tay hoặc đạp chân có nút bấm điều khiển lên xuống

TT	Nội dung	Đặc tính, thông số kỹ thuật
I	Hệ thống thủy lực	
12	Tủ điện	Vật liệu: nhựa/ đèn báo xoay 220V
13	Hệ thống an toàn	Hệ thống chống kẹt chân
II	Cấu tạo bàn nâng	
1	Khung nâng hạ	Chữ X
2	Xi lanh nâng	ø120x500mm/2 cây
3	Thanh thép chính	Thép hộp 100x100x10mm
4	Thanh đỡ sàn chính	100x100x8mm
5	Tôn sàn chính	Thép tấm gân dày 5mm
6	Thanh đỡ chân bàn nâng	V100x7mm

2.3. Yêu cầu về giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa

a. Biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa

Nhà thầu có cam kết:

- Hàng hóa phải được cơ quan có chức năng kiểm định chất lượng trước khi bàn giao, nghiệm thu.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu chịu mọi chi phí liên quan đến việc vận chuyển hàng hóa và đảm bảo chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển.

- Hàng hóa sẽ được kiểm tra, thử nghiệm theo đúng quy định tại Mục 3, Chương V, E-HSMT và Hợp đồng ký kết.

- Chủ đầu tư sẽ loại bỏ tất cả những hàng hóa không đạt yêu cầu sau kiểm tra, thử nghiệm.

- Chi phí về các dịch vụ trên nằm trong giá hợp đồng. Khi thực hiện các nội dung trên, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.

b. Dịch vụ kỹ thuật

Nhà thầu có cam kết cung cấp các dịch vụ kỹ thuật khi bàn giao hàng hóa như sau:

- Thực hiện việc khởi động vận hành, chạy thử, nghiệm thu bàn giao hàng hóa;
- Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về khởi động, vận hành, bảo dưỡng...
- Chi phí về các dịch vụ trên nằm trong giá hợp đồng.

c. Dịch vụ sau bán hàng

Nhà thầu có cam kết hỗ trợ kỹ thuật cho Chủ đầu tư về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hàng hóa do Nhà thầu cung cấp khi có yêu cầu trong khoảng thời gian được các Bên đồng ý, với điều kiện những dịch vụ này không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi các nghĩa vụ bảo hành theo quy định.

2.4. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì hàng hóa

Nhà thầu cam kết:

- Cung cấp giấy bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam cho hàng hóa cung cấp.

- Thời hạn bảo hành: Tối thiểu 12 tháng hoặc tối thiểu 2.000 giờ làm việc kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa đưa vào sử dụng (tùy theo điều kiện nào đến trước). Nếu hàng hóa phải thay thế trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho hàng hóa được thay thế sẽ được tính kéo dài tương ứng kể từ ngày Chủ đầu tư chấp nhận thiết bị sửa chữa hay thay thế đó.

- Địa điểm bảo hành: Kho tiền Trung ương và Trung tâm xử lý tiền khu vực phía Nam, phường Đông Hưng Thuận, thành phố Hồ Chí Minh.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh khi sử dụng hàng hóa trong thời gian bảo hành:

+ Việc khiếu nại liên quan đến bảo hành phải được thực hiện bằng văn bản.

+ Nhà thầu tiến hành khắc phục các hư hỏng khuyết tật của hàng hóa trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Mọi chi phí cho việc khắc phục hư hỏng, khuyết tật... do nhà thầu chịu. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục hư hỏng, lỗi sản xuất,... của hàng hóa đúng thời hạn, Chủ đầu tư sẽ tự sửa chữa và khắc phục. Mọi chi phí liên quan đến việc sửa chữa hàng hóa trong thời gian bảo hành Nhà thầu phải thanh toán hoặc hoàn trả.

2.5. Yêu cầu về khả năng thích ứng về địa lý và tác động với môi trường

- Nhà thầu có bản cam kết hàng hóa cung cấp thích ứng địa lý Việt Nam.

- Nhà thầu có bản cam kết hàng hóa cung cấp khi hoạt động không có ảnh hưởng tác động nhiều đến môi trường.

2.6. Yêu cầu về thông tin kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu

Nhà thầu cam kết không có thông tin vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

2.7. Yêu cầu khác

Nhà thầu có cam kết cung cấp các giấy tờ, tài liệu sau đây khi tiến hành giao hàng, gồm:

- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ); Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (CO) (*đối với hàng hóa nhập khẩu*);

- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa/Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (*đối với hàng hóa sản xuất trong nước*);

- Giấy kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng cấp cho từng xe;

- Catalogue hoặc Tài liệu kỹ thuật và Tài liệu hướng dẫn sử dụng hàng hóa (*Nếu là bản tiếng nước ngoài phải được dịch sang tiếng Việt và nhà thầu chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung bản dịch*);

- Giấy bảo hành của nhà sản xuất hoặc của đại lý phân phối chính thức tại Việt Nam cho hàng hóa cung cấp.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư hoặc đại diện Chủ đầu tư sẽ tiến hành kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa tại địa điểm bàn giao hàng hóa.

- Nội dung kiểm tra, thử nghiệm:
 - + Kiểm tra Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (*đối với hàng hóa nhập khẩu*); Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa/Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (*đối với hàng hóa sản xuất trong nước*); Giấy kiểm định chất lượng của cơ quan có chức năng cấp cho từng xe; Model, chủng loại, nước sản xuất và các tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan,... theo đúng quy định của Hợp đồng mua sắm đã ký kết giữa hai bên.
 - + Tiến hành khởi động, vận hành, chạy thử không tải và có tải.
 - Chủ đầu tư sẽ loại bỏ tất cả hàng hóa không đạt yêu cầu sau kiểm tra, thử nghiệm.
 - Chi phí liên quan việc kiểm tra, thử nghiệm được tính trong giá gói thầu, Chủ đầu tư không trả chi phí này.